

Số: 3455 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH H.A.V.A.S do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Kế hoạch số 8015/KH-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2021 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của UBND huyện Vĩnh Cửu tại Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2021; ý kiến của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 467/TTr-LĐTBXH ngày 12 tháng 9 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương của Công ty TNHH H.A.V.A.S do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ với tổng kinh phí hỗ trợ là 2.091.300.000 đồng (hai tỷ, không trăm chín mươi một triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn), cụ thể như sau:



1. Số người lao động thỏa thuận tạm hoãn hợp đồng lao động từ 01 tháng (30 ngày) trở lên là 530 người lao động với kinh phí hỗ trợ là 1.966.300.000 đồng.

2. Số người lao động đang nuôi con dưới 06 tuổi là 96 người lao động (117 trẻ em) với kinh phí hỗ trợ là 117.000.000 đồng.

3. Số người lao động mang thai là 08 người lao động với kinh phí hỗ trợ là 8.000.000 đồng.

(Danh sách đính kèm theo Quyết định).

Nguồn kinh phí hỗ trợ người lao động được sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Nghị quyết số 68/NQ-CP và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND huyện Vĩnh Cửu chỉ đạo các đơn vị liên quan khẩn trương chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng, minh bạch, công khai, chống trùg.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Cửu và cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, các PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Sơn Hùng





**DANH SÁCH HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠM HOÀN THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, NGHỈ VIỆC
KHÔNG HƯỞNG LƯƠNG DO ĐẠI DỊCH COVID-19 CỦA CÔNG TY TNHH H.A.V.A.S**

(Đính kèm theo Quyết định số 3455 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

TT	Họ và tên	Phòng, ban, phần xướng làm việc	Loại hợp đồng lao động	Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ	Số sổ bảo hiểm	Thời điểm bắt đầu tạm hoãn, nghỉ việc không hưởng lương (Ngày tháng năm)	Thời gian tạm hoãn HĐLĐ/nghỉ không hưởng lương		Số tiền hỗ trợ	Tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ			Số CMND/thẻ căn cước công dân
							Từ ngày tháng năm	Đến ngày tháng năm		Tên TK	Số TK	Ngân hàng	
I. Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương													
1	Lê Thị Phương	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/03/2019	0112215250	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Phương	00342399001	TP bank CN Đồng Nai	173566930
2	Lê Công Sáng	Mousse	Xác định thời hạn	01/06/2020	0113142519	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Công Sáng	5904205220453	Agribank CN Vĩnh Cù	186437347
3	Nguyễn Thị Mỹ Phương	IT	Xác định thời hạn	01/03/2019	0202068979	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Mỹ Phương	0071002493793	Vietcombank - CN HCM	083178000087
4	Nguyễn Thị Dòi	Cushion	Xác định thời hạn	01/11/2019	0203174749	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271467113
5	Nguyễn An Mỹ	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	01/11/2018	0204076087	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				260932511
6	Lưu Huỳnh	Thu Mua	Xác định thời hạn	01/03/2021	0205215171	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lưu Huỳnh	601704060018765	VIB CN Sài Gòn	271427002
7	Hoàng Mạnh Cường	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/05/2020	0207307922	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Hoàng Mạnh Cường	0121000862944	Vietcombank-CN Đồng Nai	271539939
8	Kiều Thị Hòa	Cushion	Xác định thời hạn	01/06/2020	1020820392	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				063528127
9	Vì Văn Xa	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/11/2019	1421404910	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vì Văn Xa	105.871.385.371	Vietinbank CN KCN Biên Hòa	050576404
10	Trần Lê Minh	Tạp Vụ	Xác định thời hạn	01/03/2019	2020837820	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				082375644
11	Hà Thị Hồng Vân	Xưởng M	Xác định thời hạn	01/04/2021	2520876196	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Hà Thị Hồng Vân	611704060822083	VIB CN Tân Mai	132159922
12	Nguyễn Huy Minh	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/03/2020	3420757200	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				150827222
13	Đinh Văn Tiếp	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/08/2020	3622513552	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				162231654
14	Nguyễn Văn Tuấn	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/08/2021	3714050249	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				186701926

15	Lê Văn Ngọc	QA/QC	Xác định thời hạn	01/10/2020	3821273386	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Văn Ngọc	970422920049025	MB bank CN Điện Biên Phủ	173216480
16	Phạm Văn Tuấn	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/12/2019	3821634688	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				038095004487
17	Phạm Văn Văn	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/08/2021	3821714432	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				038095009467
18	Bùi Văn Sỹ	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/12/2019	3821984812	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				174792441
19	Bùi Hữu Phong	Cushion	Xác định thời hạn	01/04/2021	3823024389	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Hữu Phong	35212052400738	Agribank CN Thanh Hóa	038200019995
20	Triệu Thị Loan	Cushion	Xác định thời hạn	01/08/2020	3824627117	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				172307277
21	Cao Cự Diên	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/12/2019	4026379527	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				186140020
22	Võ Thị Huyền Trang	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/03/2021	4217097996	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				184370476
23	Nguyễn Thị Hằng	QA/Qc	Xác định thời hạn	01/12/2020	4217643807	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Đôn Bảo	0481000741225	Vietcombank - CN BIÊN HOÀ	183551383
24	Nguyễn Đôn Bảo	Mousse	Xác định thời hạn	01/12/2019	4221329694	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Ngọc Danh	481.000.879.001	Vietcombank - CN BIÊN HOÀ	194497626
25	Trần Ngọc Danh	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/12/2019	4420202957	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				197453353
26	Trần Thị Mỹ Lệ	QA/Qc	Xác định thời hạn	01/02/2021	4520300288	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Le Thi Hong Hue	0121001219508	Vietcombank-CN Đồng Nai	272457130
27	Lê Thị Hồng Huệ	QA/Qc	Xác định thời hạn	01/05/2020	4614011101	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Tiên	9704-2292-0269-7510-696	Viettel pay	192020329
28	Nguyễn Văn Tiến	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/05/2021	4620877683	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271748148
29	Trần Quốc Minh	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/12/2019	4702001500	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thụy Tú Anh	106871631645	VietinBank CN KCN Biên Hòa	271630458
30	Vũ Thụy Tú Anh	Ban Giám Đốc	Không xác định thời hạn	01/06/2012	4703040988	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Vũ Thủy Linh	0121001149532	Vietcombank-CN Đồng Nai	271535642
31	Trần Vũ Thủy Linh	Thu Mua QT	Xác định thời hạn	01/07/2021	4704009106	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271650700
32	Nguyễn Thanh Danh	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/06/2021	4704022002	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trịnh Thị Hồng	107005326408	VietinBank CN KCN Biên Hòa	272376364
33	Trịnh Thị Hồng	Kế Toán	Không xác định thời hạn	01/10/2014	4704041589	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272470278
34	Trịnh Thị Hương	Thu Mua	Không xác định thời hạn	01/06/2012	4704041590	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Võ Trong Hai	19020677961017	TECHCOMBANK CN Biên Hòa	271426961
35	Võ Trọng Hải	R&D	Xác định thời hạn	01/10/2019	4705002533	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Đỗ Quang Huy	109866777807	Vietinbank CN Đồng Nai	271378059
36	Đỗ Quang Huy	Thu Mua	Xác định thời hạn	01/01/2021	4705030617	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Anh Quang	106868102343	Vietinbank CN Đồng Nai	272470381
37	Nguyễn Anh Quang	Ban Giám Đốc	Xác định thời hạn	01/07/2021	4706037548	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Đình Giáp	1012045832	Ngân hàng TMCP SHB	272779086
38	Nguyễn Đình Giáp	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/09/2019	4706054496	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				



39	Vũ Thị Thu Uyên	KDND	Không xác định thời hạn	01/08/2012	4706088001	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272034230
40	Trần Văn Dang	Xương M	Không xác định thời hạn	01/12/2012	4706088006	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272709722
41	Đinh Hồng Phong	HCNS	Không xác định thời hạn	01/01/2015	4706088035	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					340903193
42	Vũ Thành Xuyên	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/08/2021	4706108061	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thành Xuyên	107001821683	Vietcombank CN KCN Biên Hòa	030082005333	271427959
43	Thái Thanh Hùng	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/06/2020	4707003976	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					271989566
44	Nguyễn Ngọc Phương Duy	HCNS	Xác định thời hạn	01/03/2020	4707036033	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					271705709
45	Trần Thị Tường Vi	HCNS	Xác định thời hạn	01/11/2019	4707050604	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272915820
46	Phan Duy Ninh	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/03/2021	4707070241	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272039856
47	Phạm Thị Hồi	Thu Mua	Không xác định thời hạn	01/01/2019	4707079072	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Hồi	5913 205 042 013	Agribank CN Tân Hiệp	034183008205	271476126
48	Lê Thị Yên Hà	Ban Giám Đốc	Không xác định thời hạn	01/12/2012	4707079074	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Yên Hà	102003813490	VietinBank CN Đồng Nai	271476126	276039856
49	Lê Thị Quyên	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/09/2019	4707098004	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					197243354
50	Võ Đức Dăm	KDND	Xác định thời hạn	01/01/2021	4814005971	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Võ Đức Dăm	0041000205812	Vietcombank - Đà Nẵng	205207736	194214221
51	Vũ Đức Tùng	KDND	Xác định thời hạn	01/05/2020	4921907306	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Đức Tùng	0071005750450	Vietcombank- HCM	215382116	221459701
52	Nguyễn Tiến Thành	HCNS	Xác định thời hạn	01/07/2020	5105001991	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					221452241
53	Phạm Minh Phong	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/05/2020	5221397223	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Minh Phong	4302205030505	Agribank CN Tuy Phước	215382116	264456007
54	Phạm Công Thành	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/05/2020	5221937400	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					264455435
55	Lê Thị Mỹ Nữ	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/11/2019	5420558183	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					264319382
56	Tạ Thị Hồng Thẩm	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/12/2020	5421138233	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Tạ Thị Hồng Thẩm	0481000883038	Vietcombank- cn biên hoà	264345434	264456806
57	Hàn Ngọc Thành	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2020	5813002226	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					
58	Kiều Vũ Bảo Nghiệp	Kho TP	Xác định thời hạn	01/07/2021	5820413880	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Kiều Vũ Bảo Nghiệp	67010001248791	BIDV CN Vĩnh Cù	264456007	
59	Từ Ngọc Pháp	Kho TP	Xác định thời hạn	01/11/2019	5820561402	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					264345434
60	Từ Công Trình	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/01/2021	5820692197	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					264319382
61	Đông Ngọc Diễm Quốc Linh Đa	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/11/2019	5820692971	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					264456806
62	Đàng Thanh Long	Kho TP	Xác định thời hạn	01/05/2020	5820754480	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Đàng Thanh Long	0811 0000 45805	Vietcombank- hà tỉnh	264456806	

63	Dàng Thanh Dũng	Kho TP	Xác định thời hạn	01/10/2020	5820754481	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Len	5904205148197	Agribank CN Vĩnh Cửu	264482819
64	Nguyễn Xuân Len	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/08/2020	5820842921	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				264468122
65	Hán Ngọc Ván	Kho TP	Xác định thời hạn	01/10/2020	5820946258	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			Vietcombank - Nam Bình Dương	264515043
66	Nguyễn Khắc Thụy Du	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/02/2021	6015010149	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Khắc Thụy Du	0621000405069		261302674
67	Phan Đình Úc	Mousse	Xác định thời hạn	01/05/2021	6020028149	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				261628742
68	Đặng Gia Chi Bảo	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/03/2021	6020267323	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				261580664
69	Dung Minh Trình	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/12/2019	6020470990	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				260818776
70	Vân Thị Mỹ Trang	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/12/2019	6020482597	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				260818824
71	Trần Văn Đông	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/08/2021	6021022245	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				261310501
72	Dương Thị Hiền	R&D	Xác định thời hạn	01/03/2020	6021222291	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				261391047
73	Cao Đức Hoan	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2020	6021641866	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				260996497
74	Thạch Suôn	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/09/2019	6021703283	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Văn Tân	102868946334	Vietcombank CN Hồ Chi Minh	251199007
75	Huỳnh Văn Tân	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/12/2019	6021717295	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Le Van Hau	19029449172018	TECHCOMBANK CN Biên Hòa	281011172
76	Lê Văn Hậu	R&D	Xác định thời hạn	01/10/2020	6421901826	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				231114900
77	Bùi Văn Quang	Mousse	Xác định thời hạn	01/12/2020	6422862956	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				230609944
78	Phạm Thị Hồng Thắm	Xưởng M	Xác định thời hạn	01/05/2021	6622710000	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thuận	19036749514014	Techcombank CN Đồng Nai	241650518
79	Trần Thuận	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/03/2021	6623100605	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				241696612
80	Y Nững Niê	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/02/2020	6623220675	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Đăng Cương	104870244680	Vietcombank CN Đồng Nai	241413471
81	Lê Đăng Cương	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/05/2020	6816024957	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trường Chinh	050089670559	Sacombank CN Bình Dương	038095004077
82	Nguyễn Trường Chinh	KDNE	Xác định thời hạn	01/03/2021	7016028461	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341781432
83	Lê Kim Hồng	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/09/2020	7216008566	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381798050
84	Trịnh Văn Nhớ	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/06/2020	7414068305	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351743169
85	Trần Đình Phi	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/04/2021	7414176296	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Đình Phi	109869725461	Vietcombank CN Đồng Nai	272577544
86	Tô Phương Thảo	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2021	7416025287	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381691674

87	Bà Văn Nghiệm	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	7416117260	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				264352008
88	Trương Quốc Hưu	Xương T	Xác định thời hạn	01/12/2019	7416202743	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				632221383
89	Châu Quốc World	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/05/2021	7416294263	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				264492361
90	Trần Quốc Khanh	Xương T	Xác định thời hạn	01/03/2021	7416343626	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Quốc Khanh	5900205568363	Agribank CN Đồng Nai	365820446
91	Hà Thị Thiên Lý	HCNS	Xác định thời hạn	01/02/2021	7422124827	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Hà Thị Thiên Lý	481000903301	Vietcombank CN Đồng Nai	272417682
92	Phạm Ngọc Tường	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/02/2020	7422982401	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				281122999
93	Phạm Thị Ngọc Nữ	R&D	Xác định thời hạn	01/03/2020	7424710114	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				281122962
94	Lê Minh Tuấn	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/08/2013	7508179955	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Minh Tuấn	101871631664	Vietinbank CN KCN Biên Hòa	272193819
95	Kim Văn Banl	Mousse ép	Không xác định thời hạn	01/08/2013	7508179960	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334538097
96	Dương Văn Thừa	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7508179970	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334239224
97	Lê Thị Cẩm Loan	Cushion	Không xác định thời hạn	01/08/2013	7508179971	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272193817
98	Nguyễn Văn Sơn	Bảo Vệ	Không xác định thời hạn	01/09/2013	7508180659	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				270909558
99	Phạm Quốc Thắng	Ban Giám Đốc	Không xác định thời hạn	01/01/2019	7508246915	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				024397628
100	Nguyễn Thị Thoa	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/10/2020	7509013020	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272178859
101	Trần Văn Ân	R&D	Không xác định thời hạn	01/04/2017	7509024477	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381452229
102	Lê Thanh Giang	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/03/2014	7509024497	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				385087563
103	Huyền Văn Cường	DiVan	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7509024499	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334523053
104	Nguyễn Thị Châu Sang	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/02/2020	7509024906	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271752261
105	Bùi Thị Ngọc Bích	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/08/2020	7509025534	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Thị Ngọc Bích	0121002460822	Vietcombank-CN Đồng Nai	271908165
106	Vũ Thị Thu Phương	Xương M	Xác định thời hạn	01/03/2020	7509038828	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Thu Phương	0121002500494	Vietcombank-CN Đồng Nai	271527116
107	Nguyễn Thị Ngọc Minh	HCNS	Xác định thời hạn	01/05/2020	7509073542	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Ngọc Minh	104869114396	Vietinbank CN Biên Hòa	271812952
108	Lê Thị Bích Hà	Kho TP	Không xác định thời hạn	01/10/2014	7509077758	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Bích Hà	107004878727	Vietinbank CN KCN Biên Hòa	272540272
109	Nguyễn Văn út	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/10/2014	7509077766	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				382072125
110	Phan Văn Bôi	Bảo Vệ	Không xác định thời hạn	01/10/2014	7509077769	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381182255

111	Nguyễn Xuân Khánh	R&D	Không xác định thời hạn	01/12/2020	7509094217	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Khanh	0121002271772	Vietcombank-CN Đồng Nai	271826899
112	Đỗ Văn Tình	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/03/2020	7509124259	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272267770
113	Nguyễn Văn Khởi	Mousse	Xác định thời hạn	01/11/2019	7510001998	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381312958
114	Võ Văn Thành	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/11/2016	7510003263	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			Techcombank CN Biên Hòa	271098916
115	Nguyễn Thu Hải	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/07/2021	7510005003	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thu Hai	19036451317011		077187001941
116	Hán Quốc Toàn	Mousse	Không xác định thời hạn	01/12/2020	7510016164	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				264255512
117	Phạm Thị Hằng Nga	Kế Hoạch	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7510138191	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thị Hằng Nga	107005830355	VietinBank CN KCN Biên Hòa	183889895
118	Lê Sỹ Hải	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/12/2020	7510171719	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272839977
119	Nguyễn Thị Thanh Bình	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/05/2020	7510183073	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Bình	19028009341024	Techcombank-CN Đồng Nai	271965611
120	Nguyễn Thị Nga	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/07/2021	7510196280	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Nga	106866774677	Vietinbank CN KCN Biên Hòa	351934196
121	Nguyễn Thành Tiến	Xưởng M	Không xác định thời hạn	01/10/2014	7510196282	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271906075
122	Lê Văn Hiện	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/10/2014	7510196284	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381664448
123	Lê Văn Mừng	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/10/2014	7510196286	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381579178
124	Trần Văn Khương	Tài Xé	Không xác định thời hạn	01/05/2020	7510196287	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				162716030
125	Vũ Trung Hiếu	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/08/2020	7511044446	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Trung Hiếu	101001821803	Vietinbank CN KCN Biên Hòa	272178116
126	Vũ Thị Ngọc Linh	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/07/2021	7511045997	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Ngọc Linh	0121000633517	Vietcombank-CN Đồng Nai	271518804
127	Lê Thị Hoa	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/05/2020	7511068440	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Hoa	101005696344	Vietinbank CN 6 - TPHCM	173246645
128	Nguyễn Xuân Toàn	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/06/2021	7511130466	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271826970
129	Tạ Thị Thùy Dung	Kế Toán	Không xác định thời hạn	01/01/2015	7511155706	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Tạ Thị Thùy Dung	11714477	ACB- PGD Hồ nai	271839758
130	Phan Tấn Đức	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/06/2021	7511155711	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271151027
131	Vương Kim Hồng	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	01/01/2015	7511155717	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				186828141
132	Lê Thái Thiện	Mousse	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7511157085	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272445821
133	Châu Văn Nhiệt	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7511157103	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381682285
134	Nguyễn Thị Dũng	Mousse	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7511157106	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381402336

135	Nguyễn Thị Thu Ba	Cushion	Không xác định thời hạn	01/12/2019	7511157115	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			272053423	
136	Nguyễn Thị Bé Tài	Nệm Nội Địa	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7511157117	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			341705738	
137	Nguyễn Thị Nga	Mousse	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7511157123	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381346160	
138	Phan Thị Lôi	Xường T	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7511157125	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381135101	
139	Phạm Thanh Vương	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/03/2015	7511157130	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Thanh Vương	5913205085357	Agribank CN Tân Hiệp	215109277
140	Vũ Thị Mai	HCONS	Không xác định thời hạn	01/05/2015	7511159377	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Thị Mai	7945678979	SHB PGD Đồng Khởi	272061088
141	Nguyễn Đình Thắng	KDND	Không xác định thời hạn	01/05/2015	7511159379	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Đình Thắng	0121000695916	Vietcombank-CN Đồng Nai	276002966
142	Phan Thị Thanh Thủy	Xường T	Không xác định thời hạn	01/08/2015	7511163258	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334850015
143	Trần Thanh Dân	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/08/2015	7511163259	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381236924
144	Võ Luân Em	Mousse ép	Không xác định thời hạn	01/09/2015	7511164501	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381694197
145	Nguyễn Mộng Còn	Xường M	Không xác định thời hạn	01/12/2020	7512004126	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381691010
146	Huỳnh Văn Đình	HCONS	Không xác định thời hạn	01/08/2018	7512172057	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				215101837
147	Thạch Thị Chung	Xường T	Không xác định thời hạn	01/04/2016	7512172059	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334083187
148	Lý Vũ Luân	Xường M	Không xác định thời hạn	01/04/2016	7512172060	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				352684624
149	Nguyễn Phúc Nhĩ Long	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/03/2021	7512172064	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Phúc Nhĩ Long	1015379301	SHB PGD Đồng Khởi	271977333
150	Trương Văn Liệt	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2021	7512173098	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365694220
151	Lê Hồng Yên	Xường T	Không xác định thời hạn	01/06/2016	7512174735	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				385675021
152	Lê Đình Dương	Cushion	Không xác định thời hạn	01/07/2016	7512174925	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Đình Dương	101003757711	Vietinbank CN Đồng Nai	038084007132
153	Phạm Thị Nhung	Cushion	Không xác định thời hạn	01/07/2016	7512174929	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				035185004233
154	Nguyễn Thị Miên	Cushion	Không xác định thời hạn	01/07/2016	7512174935	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				075164000392
155	Phạm Thị Hoa	Mousse	Không xác định thời hạn	01/08/2016	7512176071	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271112387
156	Trần Thị Linh	Xường T	Không xác định thời hạn	01/11/2016	7512179110	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				385431474
157	Nguyễn Thị út	Xường T	Không xác định thời hạn	01/11/2016	7512179124	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381740766
158	Bùi Văn Hùng	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/12/2016	7512180191	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				331638625

159	Đỗ Văn Dẻo	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/12/2016	7512180195	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					350562740
160	Nguyễn Văn Bé	Mousse	Không xác định thời hạn	01/12/2016	7512180197	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381770825
161	Tạ Hồng Yên	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/12/2016	7512180203	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381403475
162	Lê Hoàng Hiện	Mousse	Không xác định thời hạn	01/12/2016	7512180204	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385334931
163	Nguyễn Thị Thu Hiền	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/03/2021	7513012952	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thu Hiền	121000854934	Vietcombank - CN ĐÔNG NAI	261154741	
164	Trần Vũ Ngọc Tiên	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/02/2021	7513064852	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Vũ Ngọc Tiên	9200115101992	MB bank CN Đồng Nai	272222549	
165	Bùi Minh Nguyệt	Kế Toán	Không xác định thời hạn	01/10/2019	7513152834	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Minh Nguyệt	168276069	ACB CN Nguyễn Văn Trỗi	271929674	
166	Nguyễn Văn Mừng	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	01/04/2017	7513153294	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381054778	
167	Phạm Thị Thủy	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/04/2017	7513153295	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381728864	
168	Trần Thị Phúc	Nệm Nội Địa	Không xác định thời hạn	01/06/2017	7513155367	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334909464	
169	Nguyễn Thị Giả	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157116	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381685957	
170	Nguyễn Ngọc Như	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157119	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				331721534	
171	Thạch Thị Thu	Xưởng M	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157122	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365959072	
172	Kim Văn Dân	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157123	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334538161	
173	Nguyễn Thị Nghi	Cushion	Xác định thời hạn	01/06/2020	7513157127	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381349658	
174	Trần Thị Thu Rớt	Cushion	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157130	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				331371455	
175	Thái Thị Quyết	Xưởng M	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157132	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381761595	
176	Hà Quốc Khánh	KDND	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157135	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Hà Quốc Khánh	0121001988471	Vietcombank-CN Đồng Nai	280803096	
177	Nguyễn Ngọc Minh	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157137	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Ngọc Minh	103006582402	VietinBank CN KCN Biên Hòa	270107049	
178	Nguyễn Quốc Thắng	Ban Giám Đốc	Không xác định thời hạn	01/07/2017	7513157138	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Thắng	04001014993560	Maritime Bank CN Quận 7	022943638	
179	Châu Trà Kha	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/11/2017	7513162999	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381787250	
180	Nguyễn Ngọc Oanh	KDND	Không xác định thời hạn	01/05/2019	7513163199	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272806831	
181	Phạm Văn Thành	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/12/2017	7513163755	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phạm Văn Thành	28710071987	VP bank CN Đồng Nai	215078427	
182	Trương Minh Đức	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/12/2017	7513163756	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				380364863	

183	Phan Nữ Hoàng Liên	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/04/2021	7514015226	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phan Nữ Hoàng Liên	481000728915	Vietcombank CN Biên Hòa	272940685
184	Dương Văn Thường	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/06/2020	7514038807	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272099961
185	Nguyễn Văn Sơn	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/09/2019	7514048907	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Sơn	0121000774609	Vietcombank-CN Đồng Nai	272283705
186	Trần Thị Minh Yến	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/06/2020	7514150309	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thị Minh Yến	106869192027	Vietcombank CN KCN Biên Hòa	272164702
187	Trần Thị Vân	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/01/2018	7514150774	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				331417743
188	Phan Thị Thiệp	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/01/2018	7514150775	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381652979
189	Võ Văn Đến	Xưởng M	Không xác định thời hạn	01/01/2018	7514150780	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Võ Văn Đến	143704070001580	HD BANK CN Thanh Phú	371732447
190	Phạm Thị Chúc Lệ	Cushion	Không xác định thời hạn	01/07/2021	7514150782	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341436125
191	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Cushion	Không xác định thời hạn	01/01/2018	7514150783	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271377029
192	Trần Văn Tâm	Mousse	Xác định thời hạn	01/04/2020	7514150790	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371500156
193	Nguyễn Phúc Tiến	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/02/2018	7514151053	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271977330
194	Lê Hoàng Thanh	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/02/2018	7514151054	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381666054
195	Lâm Trường Sơn	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/02/2018	7514151055	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381402460
196	Đỗ Hoàng Đà	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/02/2018	7514151056	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381694660
197	Nguyễn Thị Bé Lợi	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/02/2018	7514151058	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341759151
198	Lê Tân An	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/03/2018	7514152168	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271842345
199	Phạm Như ý	Mousse	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7514155707	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381619823
200	Trần Đình Chiến	Cushion	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7514160616	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				092095005025
201	Nguyễn Thị Thùy	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/03/2021	7514161537	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thùy	106866772354	Vietcombank CN Đồng Nai	272989249
202	Võ Thị Lê	Cushion	Không xác định thời hạn	01/11/2018	7514162518	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381694106
203	Phạm Minh Vương	Qa/Qc	Không xác định thời hạn	01/11/2018	7514162521	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381639373
204	Trần Việt Nhi	Mousse	Không xác định thời hạn	01/11/2018	7514162522	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365828584
205	Huyền Thu Thủy	Mousse	Không xác định thời hạn	01/11/2018	7514162523	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				331103278
206	Lê Đình Tài	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/11/2018	7514162528	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				178529849

ĐỒNG

207	Nguyễn Thị Quý	Cushion	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7514167878	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371016353
208	Nguyễn Thị Thanh	Cushion	Xác định thời hạn	01/02/2019	7514168293	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				370737915
209	Trần Đức Dương	Xưởng M	Xác định thời hạn	01/03/2019	7515033487	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			Vietcombank CN Đồng Nai	082191636
210	Huỳnh Kim Ngọc	Thu Mua QT	Xác định thời hạn	01/12/2019	7515067128	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271989176
211	Lê Chí Huỳnh	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/05/2021	7515075004	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381781373
212	Nguyễn Tấn Tài	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/01/2019	7515101125	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				261293710
213	Cao Văn Sang	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/08/2019	7515110134	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			HD BANK CN Thanh Phú	2724412000
214	Thạch Thị Huệ	Xưởng T	Không xác định thời hạn	01/10/2019	7515112964	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000		143704070004689		334787891
215	Nguyễn Thanh Hải	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/08/2020	7515112973	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271827682
216	Nguyễn Huy Hoàng	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/05/2019	7515118032	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				370670912
217	Trương Thị Thu Nguyệt	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/01/2021	7515135386	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272341427
218	Lê Thanh Long	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/12/2019	7515152902	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				340845687
219	Nguyễn Văn Lai	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	01/12/2019	7515152903	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				340943115
220	Tạ Thanh Tùng	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/12/2019	7515152904	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381197610
221	Nguyễn Thanh Thảo Nhi	Sale QT	Xác định thời hạn	01/01/2020	7516001794	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272583148
222	Đỗ Quỳnh Giao	R&D	Xác định thời hạn	01/04/2021	7516024899	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272445519
223	Hoàng Thủy Liễu	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/12/2020	7516036135	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272267836
224	Nguyễn Trương Kim Tuyền	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/02/2021	7516036167	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272329845
225	Vũ Thị Nguyệt	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/05/2020	7516074591	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				2726815168
226	Nguyễn Minh Nhật	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/01/2020	7516080188	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272798850
227	Nguyễn Thị Lan Anh	Sale QT	Xác định thời hạn	01/06/2021	7516089313	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				321498290
228	Cao Minh Trung	Kho TP	Xác định thời hạn	01/07/2021	7516094211	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272449015
229	Lê Minh Dương	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/04/2020	7516096411	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				241200562
230	Lê Thị Nga	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/09/2020	7516098611	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				

231	Võ Trung Kiên	Lò Xo	Không xác định thời hạn	01/06/2020	7516099295	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			093084000271
232	Nguyễn Thành Thất	Xương T	Không xác định thời hạn	01/06/2020	7516099297	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			341372348
233	Trịnh Văn Nam	Cushion	Xác định thời hạn	01/11/2019	7516099301	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			038080008001
234	Nguyễn Thị Mỹ Lâm	Xương M	Không xác định thời hạn	01/06/2020	7516099303	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381354979
235	Nguyễn Văn Hiếu	Tài Xế	Không xác định thời hạn	01/06/2020	7516099305	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Hiếu	109003027940	Vietcombank CN KCN Biên Hòa 381552304
236	Võ Toàn	Cushion	Không xác định thời hạn	01/06/2020	7516099306	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			221135657
237	Huyền Văn Triều	Bảo Trì	Không xác định thời hạn	01/06/2020	7516099307	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			215080360
238	Nguyễn Quyết	Mousse	Xác định thời hạn	01/10/2020	7516103507	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Quyết	50080834710	Sacombank CN ĐỒNG NAI 233147595
239	Nguyễn Thị Thuý	Sale QT	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516103508	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thuý	0371000438694	Vietcombank - CN ĐỒNG NAI 121749435
240	Lê Thị Xương	Cushion	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104207	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			371432204
241	Trương Quốc Vên	Xương T	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104213	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			365713754
242	Nguyễn Hoàng Anh	Cushion	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104215	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381425513
243	Ta Văn Trí	Xương T	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104218	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			331435451
244	Lê Quang Thông	Bảo Vệ	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104222	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			271192716
245	Nguyễn Mỹ Lan	Kế Hoạch	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104229	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381680921
246	Lê Văn Dũng	Mousse	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104233	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			380334534
247	Trương Thị The	Nệm Nồi Đĩa	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104237	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			380857768
248	Son Thị Ly Na	Xương T	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104242	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			334283230
249	Mai Thị Bé Tư	Nệm Nồi Đĩa	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104244	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			371403818
250	Nguyễn Hoàng Em	Xương T	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104246	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381800627
251	Ngô Quan Vinh	Xương T	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104247	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			363526443
252	Trần Văn Long	Xương M	Không xác định thời hạn	01/08/2020	7516104248	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			330752964
253	Đặng Tấn Lực	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/07/2021	7516107675	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			272164454
254	Bùi Lê Duy Thông	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/11/2019	7516110256	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Lê Duy Thông	0481000908366	Vietcombank - CN BIÊN HOÀ 272483986

255	Trần Thị Quyên	Cushion	Không xác định thời hạn	01/10/2020	7516142462	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381190709
256	Vũ Hoàng Thanh	Cushion	Không xác định thời hạn	01/10/2020	7516142463	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272119636
257	Lê Minh Hoàng	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/10/2020	7516142469	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Minh Hoàng	103873207290	Vietinbank CN Đồng Nai		381201793
258	Nguyễn Trung Hiếu	Mousse Ép	Không xác định thời hạn	01/10/2020	7516142470	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					331593493
259	Trần Văn Mạnh	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/11/2019	7516142474	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272325740
260	Lê Tuấn Ngoan	Xường T	Không xác định thời hạn	01/12/2020	7516142677	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phung Thi Thanh Tuyen	0481000795603	Vietcom Bank - CN BIÊN HOÀ		381691009
261	Phùng Thị Thanh Tuyền	R&D	Xác định thời hạn	01/02/2019	7516142950	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272120796
262	Trương Văn Chon	Xường T	Xác định thời hạn	01/02/2019	7516142956	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					371434930
263	Nguyễn Thị Mỹ Châu	Cushion	Xác định thời hạn	01/02/2019	7516142961	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					352016724
264	Nguyễn Thị Ngọc Huệ	Xường T	Xác định thời hạn	01/06/2021	7516147891	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					272779078
265	Trương Thị Diễm Ngân	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/01/2020	7516170802	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trương Thị Diễm Ngân	0381000451225	Vietcombank - CN Thủ Đức		264394833
266	Nguyễn Mạnh Luân	HCNS	Xác định thời hạn	01/03/2019	7516177199	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Mạnh Luân	104871773122	VietinBank CN Biên Hòa		271989811
267	H Yuên Niê	Mousse	Xác định thời hạn	01/11/2019	7516177439	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					241542180
268	Tống Thị Bắc	Cushion	Xác định thời hạn	01/04/2019	7516177590	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					173063474
269	Đặng Tấn Lực	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/04/2019	7516177598	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					363881310
270	Dương Thị Phương Dung	Thu Mua QT	Xác định thời hạn	01/05/2019	7516177857	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Dương Thị Phương Dung	5913205121524	Agribank CN Tân Hiệp		271904442
271	Đào Trọng Đoàn	Xường T	Xác định thời hạn	01/05/2019	7516177864	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					284387948
272	Nguyễn Văn Ân	Xường T	Xác định thời hạn	01/05/2019	7516177866	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					351691243
273	Nguyễn Tấn Đạt	Xường T	Xác định thời hạn	01/05/2019	7516177867	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					341926420
274	Lâm Minh Trung	Xường M	Xác định thời hạn	01/05/2019	7516177869	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					341864283
275	Nguyễn Ngọc Phương	Xường T	Xác định thời hạn	01/05/2019	7516177872	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					312082312
276	Trần Chí Thanh	Tài Xế	Xác định thời hạn	01/11/2019	7516178184	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381770891
277	Phan Kim Tươi	Xường T	Xác định thời hạn	01/07/2019	7516178342	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					341059274
278	Võ Thị Bốn	Xường T	Xác định thời hạn	01/07/2019	7516178346	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381278187

279	Dương Thị Lê Thu	Năm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/10/2019	7516178347	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				350851459
280	Lê Thanh Dị	Kho TP	Xác định thời hạn	01/07/2019	7516178350	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381472895
281	Trần Hồng Lâm	Cushion	Xác định thời hạn	01/07/2019	7516178352	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381480284
282	Đỗ Thị Hằng	Tap Vu	Xác định thời hạn	01/08/2019	7516178527	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381603019
283	Chau Ni	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/08/2019	7516178532	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351123076
284	Châu Văn Hết	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/08/2019	7516178535	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381643887
285	Đặng Thanh Tiếng	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2019	7516178613	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				311888157
286	Võ Cẩm Nhở	Cushion	Xác định thời hạn	01/08/2019	7516178616	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381495958
287	Nguyễn Văn Hai	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2019	7516178618	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341374030
288	Nguyễn Quang Giang	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/09/2020	7523101161	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Quang Giang	106870590604	Vietinbank CN Đồng Nai	272545135
289	Lê Tuấn Anh	R&D	Xác định thời hạn	01/10/2020	7523230063	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Tuấn Anh	8889898889	MB bank PKD Khánh Hội	272486005
290	Nguyễn Phạm Thanh Tuấn	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/11/2020	7523250803	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272579191
291	Nguyễn Tú Quyên	Thu Mua QT	Xác định thời hạn	01/06/2020	7523302705	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Tú Quyên	0071000841337	VIETCOMBANK CN HCM	272122772
292	Lê Đông Nam	Mousse	Xác định thời hạn	01/12/2019	7523410449	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				276039403
293	Vũ Như Kha	HCNS	Xác định thời hạn	01/09/2019	7523486021	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Như Kha	481000554517	Vietcombank - CN BIÊN HOÀ	271630457
294	Bùi Thị Kiều Mí	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/12/2020	7523494448	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Bùi Thị Kiều Mí	050030149413	Sacombank CN ĐỒNG NAI	272237029
295	Vũ Văn Hoàng	Sale QT	Xác định thời hạn	01/11/2019	7523555622	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Vũ Văn Hoàng	0121000832083	Vietcombank-CN Đồng Nai	272533630
296	Dương Ngọc Lan Anh	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2021	7523586095	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Dương Ngọc Lan Anh	104871376135	VietinBank CN Biên Hòa	272766829
297	Trần Ngọc An Khang	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/01/2020	7523620143	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272757728
298	Vũ Minh Tuấn	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/10/2019	7523654670	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272377429
299	Phạm Thị Thanh Phương	Kế Toán	Xác định thời hạn	01/11/2019	7523780681	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272545759
300	Huỳnh Thị Thủy Hằng	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/05/2021	7523986827	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Thị Thủy Hằng	100872190107	VietinBank CN Biên Hòa	272587856
301	Ngô Thị Tiên	HCNS	Xác định thời hạn	01/10/2020	7524193364	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Ngô Thị Tiên	121000772802	Vietcombank - CN ĐỒNG NAI	272469507
302	Lăng Thị Kiều Diễm	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/08/2020	7524200182	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lăng Thị Kiều Diễm	140704070006031	HD BANK CN Quang Vinh	272503804

303	Hồ Trần Mỹ Linh	HCNS	Xác định thời hạn	01/02/2020	7524318691	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272464755
304	Ngô Kim Phụng	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/03/2021	7524390782	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272788639
305	Nguyễn Văn Đức	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/05/2021	7524402550	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Đức	108871631667	VietinBank CN Biển Hòa	272601112
306	Nguyễn Ngọc Trung	R&D	Xác định thời hạn	01/09/2020	7524409790	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272617664
307	Nguyễn Hoàng Huy	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2021	7524411394	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272830479
308	Mạch Đỗ Yến Phương	HCNS	Xác định thời hạn	01/01/2021	7524418373	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272534518
309	Nguyễn Thị Kim Hồng	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/03/2020	7524443740	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Kim Hồng	001410000718100	OCB CN Đồng Nai	272413335
310	Nguyễn Nhật Huy	R&D	Xác định thời hạn	01/06/2021	7524528720	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Nhật Huy	106871631657	Vietinbank CN KCN Biên Hòa	272659095
311	Lê Hoài Sang	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/03/2020	7524832479	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272533535
312	Nguyễn Sơn Tùng	Kho TP	Xác định thời hạn	01/11/2020	7524889834	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Sơn Tùng	1014387841	Vietcombank - CN ĐỒNG NAI	272411915
313	Nguyễn Hồ Kim Loan	KDND	Xác định thời hạn	01/08/2020	7525354673	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hồ Kim Loan	0401001383238	Vietcombank - CN đồng Nai	272514870
314	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	Sale QT	Xác định thời hạn	01/09/2020	7525750188	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Hoàng Anh Tuấn	0602 1940 9616	SACOMBANK CN Sài Gòn	272534866
315	Nguyễn Phi Bảo	Mousse	Xác định thời hạn	01/04/2021	7526225090	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Phi Bảo	611704060878528	VIB CN Tân Mai	272464732
316	Phạm Như Bảo Ngọc	R&D	Xác định thời hạn	01/05/2020	7526326881	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272519266
317	Lê Thị Hồng Nhung	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/06/2021	7526596833	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Hồng Nhung	02651824301	TPBank CN Bình Thanh	272726082
318	Trịnh Huỳnh Xuân Hải	It	Xác định thời hạn	01/03/2020	7526664352	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trịnh Huỳnh Xuân Hải	19031546274024	Techcombank CN Đồng Nai	272388337
319	Nguyễn Quốc Huy	R&D	Xác định thời hạn	01/11/2019	7526677896	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Quốc Huy	04401014771975	Maritime Bank CN Quận 3 Thành Đô	272315889
320	Nguyễn Ngọc Duy	Mousse	Xác định thời hạn	01/03/2021	7526696632	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272032427
321	Võ Tuấn Kiệt	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2020	7526709173	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Võ Tuấn Kiệt	0871004242298	Vietcombank- CN ĐỒNG ĐỒNG NAI	271814813
322	Nguyễn Đình Hưng	Kho TP	Xác định thời hạn	01/05/2020	7526727440	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Đình Hưng	102871639817	Vietinbank CN KCN Biên Hòa	125001835
323	Đinh Thế Long	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/05/2020	7526752665	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Đinh Thế Long	0061000243082	Vietcombank Đồng Nai	271597373
324	Dương Bi Em	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/06/2020	7526756804	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272830342
325	Nguyễn Trung Hiếu	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/11/2020	7526850016	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272477691
326	Nguyễn Ngọc Duy Uyên	R&D	Xác định thời hạn	01/04/2021	7526853454	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272563322

Đã kiểm tra và xác minh đúng nội dung.

327	Lê Thị Thanh Hằng	Sac QT	Xác định thời hạn	01/01/2021	7526899541	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Thị Thanh Hằng	19035878956019	Techcombank-CN Đồng Nai	272157678
328	Lê Thị Quyên	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2021	7526927626	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272875438
329	Lê Văn Trung	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2021	7526927628	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Lê Văn Trung	0121000729917	Vietcombank-CN Đồng Nai	273123636
330	Nguyễn Văn Pháp	Cushion	Xác định thời hạn	01/05/2021	7526955968	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Pháp	0481000740171	Vietcombank - CN Biên Hoà	272545413
331	Trần Kiều Tiên	Xường T	Xác định thời hạn	01/10/2020	7526971832	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381976411
332	Nguyễn Xuân Trường	It	Không xác định thời hạn	01/08/2015	7910225041	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Xuân Trường	048 1000 640 365	Vietcombank - CN Biên Hoà	271632069
333	Tổng Nguyễn Anh	Ban Giám Đốc	Không xác định thời hạn	01/06/2018	7910439022	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Tổng Nguyễn Anh	105871631673	VietinBank CN KCN Biên Hòa	271719222
334	Nguyễn Khắc Quang	Xường T	Không xác định thời hạn	01/07/2016	7911038004	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				038091006320
335	Đặng Đức Dương	Kho TP	Xác định thời hạn	01/12/2020	7911084903	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272897589
336	Nguyễn Minh Trúc	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	7911374177	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381382779
337	Nguyễn Thị Tuyết Sương	R&D	Không xác định thời hạn	01/05/2020	7912232793	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271926694
338	Phạm Nguyễn Ngọc Tú	KDND	Xác định thời hạn	01/11/2019	7912297983	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				079093012948
339	Nguyễn Văn Nam	Thu Mua QT	Xác định thời hạn	01/01/2020	7912303635	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Văn Nam	0531000284306	VIETCOMBANK CN BÌNH THÀNH	271902432
340	Nguyễn Thị Thanh Huyền	It	Xác định thời hạn	01/04/2021	7913210627	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				024263899
341	Trần Văn Hoàng	Mousse	Xác định thời hạn	01/07/2021	7913242379	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				172862496
342	Nguyễn Chí Nghiệp	Xường T	Xác định thời hạn	01/02/2020	7914018360	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365943548
343	Nguyễn Tuấn Dũng	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/04/2021	7914149492	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Tuấn Dũng	04207574401	Tpbank TP HCM	052092000084
344	Nguyễn Lê Quốc Anh	Xường M	Xác định thời hạn	01/03/2020	7914204833	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				321559075
345	Trần Nhật Quang	Mousse	Xác định thời hạn	01/04/2021	7915069987	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				362339131
346	Nguyễn Văn Dũng	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/09/2019	7915109987	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				272973895
347	Đặng Văn Hùng	Xường M	Xác định thời hạn	01/12/2019	7915185497	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381622073
348	Chau Khen	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2020	7916274831	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351292346
349	Mai Thị Ngọc Bích	KDND	Xác định thời hạn	01/06/2020	7916286637	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Mai Thị Ngọc Bích	0687041050593	Bản Việt - trụ sở chính	025121402
350	Nguyễn Thị Thanh Hằng	Thu Mua QT	Xác định thời hạn	01/06/2021	7916542362	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Thanh Hằng	5500205525852	Agribank CN BÌNH DƯƠNG	197316740

351	Nguyễn Trinh Thủy Hoàn	KDNĐ	Xác định thời hạn	01/08/2020	7916573571	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Trinh Thủy Hoàn	0819993330	MB bank CN Tam Hiệp	272666221
352	Nguyễn Mỹ Em	Cushion	Không xác định thời hạn	01/08/2019	8009011709	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381623909
353	Võ Khánh Tài	Xường T	Xác định thời hạn	01/07/2021	8013026594	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271814682
354	Hồ Minh Châu	Xường T	Xác định thời hạn	01/12/2019	8222205069	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				312441244
355	Nguyễn Quốc Hùng	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/11/2020	8321455630	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				320740872
356	Nguyễn Thanh Hiếu	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/01/2020	8421847691	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334507267
357	Kim Thị Kiều Linh	Mousse	Xác định thời hạn	01/09/2020	8421907595	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334987805
358	Thạch Thị Hoa	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/09/2020	8421939071	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334713397
359	Kiến Thị Sa Pha	Xường T	Xác định thời hạn	01/06/2020	8422042542	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334836677
360	Kim Thị Thu Dân	Xường T	Xác định thời hạn	01/02/2020	8422244846	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				334991444
361	Lữ Thị Cẩm Lai	Xường T	Xác định thời hạn	01/11/2020	8422438312	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				335007937
362	Đoàn Thị Kim Dung	Mousse	Xác định thời hạn	01/10/2019	8621525117	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				331894596
363	Thái Trần Hồng Phúc	Cushion	Xác định thời hạn	01/06/2020	8622481608	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				331662417
364	Nguyễn Ngọc Thắng	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/06/2020	8706003546	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				145155255
365	Nguyễn Thị Hồng Hoa	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	8722626096	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341595932
366	Nguyễn Thị Cúc	Cushion	Xác định thời hạn	01/12/2020	8722822106	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				340865698
367	Nguyễn Quốc Cường	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2020	8722938878	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341928998
368	Phạm Văn Dũng	Cushion	Xác định thời hạn	01/12/2020	8722940046	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341720978
369	Đào Thanh Ngân	Cushion	Xác định thời hạn	01/06/2021	8722972684	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				342078419
370	Trần Văn Thái	Xường T	Xác định thời hạn	01/11/2020	8722980742	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341773652
371	Võ Văn Sáu Nhỏ	Xường T	Xác định thời hạn	01/10/2020	8723084526	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341570235
372	Bùi Hữu Thiện	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/10/2020	8723114767	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				342006943
373	Nguyễn Tấn Hiệp	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/12/2019	8723124962	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				340797036
374	Đặng Ngọc Mai	R&D	Xác định thời hạn	01/11/2019	8723323192	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341954916



375	Mai Thi Thu Thao	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2020	8723323193	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				340903514
376	Nguyễn Văn Cường	Mousse	Xác định thời hạn	01/12/2019	8723409634	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341136791
377	Nguyễn Hoàng Tiên	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/06/2020	8723454876	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341955842
378	Huỳnh Thị Thanh Mai	Cushion	Xác định thời hạn	01/05/2021	8723460024	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				340981236
379	Nguyễn Tấn Hào	Mousse	Xác định thời hạn	01/03/2021	8723460025	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				340797549
380	Lê Thái Chân	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/02/2020	8723485185	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341247596
381	Trương Thị Kim Thủy	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/11/2020	8723613146	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trương Thị Kim Thủy	5904205251470	Agribank Đồng Nai	341963523
382	Nguyễn Văn Nhân	Kho TP	Xác định thời hạn	01/12/2019	8723774990	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341379010
383	Nguyễn Ngọc Cẩm	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/01/2020	8723784615	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341125209
384	Nguyễn Thị Kiều Em	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/01/2020	8723784617	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341842687
385	Hồ Thị Cẩm Trúc	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2021	8723865371	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341967290
386	Hồ Thị Cẩm Tiên	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/08/2021	8723865372	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341890555
387	Dương Ngọc Toàn	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/02/2021	8724035982	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341595685
388	Lê Phước Đình	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/01/2021	8724069217	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				341798800
389	Jane Hoc	Cushion	Xác định thời hạn	01/05/2021	8922952822	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				352540993
390	Nguyễn Thị Kim Tô	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/03/2021	8922987111	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				352540994
391	Dương Thành Tân	Bao Tri	Xác định thời hạn	01/08/2021	8923251222	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351726331
392	Thiều Thị Kim Thu	Cushion	Xác định thời hạn	01/05/2021	8923331442	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351673257
393	Phan Văn Hiệp	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	8923954198	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351610586
394	Nguyễn Chớp Em	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/02/2021	8925071114	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351958998
395	Hồ Văn Quý	Mousse	Xác định thời hạn	01/01/2020	8925116496	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				352134206
396	Nguyễn Hữu Nhon	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2020	8925224353	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				352646956
397	Chau Sóc Nhane	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/04/2020	8925329260	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351832024
398	Nguyễn Văn Cho	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/09/2020	8925558213	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				351646656

399	Nguyễn Thị Hường	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2021	8925613303	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Võ Phi Long	0121001417375	Vietcombank-CN Đồng Nai	351823389
400	Võ Phi Long	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/04/2019	9107093418	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				271698784
401	Phan Việt Thắng	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/01/2020	9121740053	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371566435
402	Trần Văn Dón	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/05/2020	9122887104	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				370892245
403	Đoàn Thị Thật	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2021	9122887105	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				370996050
404	Huỳnh Mỹ My	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/08/2020	9123212811	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Mỹ My	050122863430	Sacombank CN Biên Hòa	372064244
405	Nguyễn Văn Tel	Xưởng M	Xác định thời hạn	01/03/2021	9123492263	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371355476
406	Quảng Diễm Hương	R&D	Xác định thời hạn	01/01/2020	9123492711	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371982921
407	Trương Văn Hợp	Xưởng M	Xác định thời hạn	01/04/2020	9123876326	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				370996055
408	Đoàn Thị Tú Quyên	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/04/2020	9123876327	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371243634
409	Huỳnh Văn Chon	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/04/2020	9123876328	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371264602
410	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/06/2020	9123955141	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				371292501
411	Nguyễn Minh Phục	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/02/2020	9222029022	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				092086001862
412	Nguyễn Văn Hồ	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/10/2019	9222340007	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				361406873
413	Nguyễn Trung Thành	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/01/2020	9320808642	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				363603832
414	Bùi Chí Thanh	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2020	9321192735	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				364064322
415	Võ Ngọc Hiền	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/12/2019	9321293232	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Võ Ngọc Hiền	5904205170144	Agribank CN Vĩnh Cửu	363623438
416	Võ Văn Dầy	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/12/2020	9321493521	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Võ Văn Dầy	1016572592	Vietcombank - CN Binh Dương	364089127
417	Trần Thị Ngọc Diễm	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/11/2019	9321878803	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				363606255
418	Nguyễn Thị Yên	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2020	9422293733	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365719533
419	Nguyễn Công Cán	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2020	9422326243	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365506636
420	Thạch Hoàng Hậu	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2020	9422436978	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				366258000
421	Trịnh Văn Hó	Mousse	Xác định thời hạn	01/02/2020	9422449787	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				366269200
422	Trần Thị Cúc	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/11/2019	9422474284	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				365358861

423	Thạch Ngọc Trí	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2021	9422477136	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					365374885
424	Nhan Văn Dân	Xương T	Xác định thời hạn	01/01/2021	9422526108	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					365962355
425	Kim Na Rút	Mousse	Xác định thời hạn	01/09/2019	9422579001	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					365791923
426	Nguyễn Văn Thành	Xương M	Xác định thời hạn	01/04/2020	9422912080	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					366045670
427	Nguyễn Thị Liễu	Xương T	Xác định thời hạn	01/12/2019	9423225231	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					366064832
428	Thạch Thị Nhung	Mousse	Xác định thời hạn	01/05/2021	9520934288	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385819375
429	Trần Thị Ngọc Diễm	Xương T	Xác định thời hạn	01/11/2020	9521143438	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385802174
430	Lê Tú Em	Xương T	Xác định thời hạn	01/06/2020	9521279823	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385749395
431	Nguyễn Ngọc Diễm	Mousse	Xác định thời hạn	01/11/2019	9521328617	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385892082
432	Nguyễn Hoàng Non	Xương T	Xác định thời hạn	01/02/2021	9521334945	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385144746
433	Nguyễn Ngọc Trí	Xương M	Xác định thời hạn	01/03/2021	9521341455	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385779417
434	Nguyễn Thị Cẩm Tuyên	Xương T	Xác định thời hạn	01/08/2020	9522083973	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385861566
435	Trần Trí Phê	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/08/2020	9522083974	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					385699059
436	Danh Thị Hằng	R&D	Xác định thời hạn	01/10/2019	9613006551	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381468981
437	Nguyễn Văn Linh	Kho TP	Xác định thời hạn	01/11/2019	9621277985	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381994847
438	Hứa Cẩm Doan	Q&Qc	Xác định thời hạn	01/05/2021	9621282896	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					382003965
439	Trần Thị Thị Kiều	Xương T	Xác định thời hạn	01/11/2020	9621300838	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381714635
440	Diệp Văn Hiền	Mousse	Xác định thời hạn	01/06/2021	9621438794	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381270407
441	Quảng Quốc Nam	Xương T	Xác định thời hạn	01/04/2021	9621447561	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381664732
442	Phan Văn Lợi	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/09/2019	9621481475	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381870445
443	Nguyễn Thùy Mỹ	Xương T	Xác định thời hạn	01/02/2020	9621588269	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381818237
444	Hồ Thị Kim Xuyên	Xương T	Xác định thời hạn	01/06/2020	9621602724	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381440665
445	Nguyễn Trọng Vinh	Xương M	Xác định thời hạn	01/05/2021	9621610193	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381957844
446	Trần Chí Nguyễn	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2021	9621625374	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381284276

ĐƠN

447	Võ Chí Khởi	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/02/2021	9621719443	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				382029388
448	Trần Thị Lệ	Mousse	Xác định thời hạn	01/11/2019	9621730851	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381060112
449	Phạm Thị Diệu Trinh	Mousse	Xác định thời hạn	01/11/2019	9621774663	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381926920
450	Trần Thanh Tâm	Mousse	Xác định thời hạn	01/10/2019	9621794306	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381402580
451	Phạm Thị Diệu Hoa	Mousse	Xác định thời hạn	01/03/2021	9621794726	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381935963
452	Nguyễn Ngọc Như	Mousse	Xác định thời hạn	01/12/2020	9621830726	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381819995
453	Phạm Văn Hiền	Mousse	Xác định thời hạn	01/11/2019	9621845186	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				380789482
454	Nguyễn Thái Bảo	Kho NVL	Xác định thời hạn	01/02/2020	9621862214	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381841863
455	Trần Thảo Nguyên	KĐND	Xác định thời hạn	01/09/2020	9621864326	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Trần Thảo Nguyên	9834877640	Vietcombank- Trụ Sở CN HCM	381931679
456	Dương Trường Khả	Kho TP	Xác định thời hạn	01/08/2020	9621898804	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Dương Trường Khả	7505205236048	Agribank CN Tân Phong	381939584
457	Võ Vu Luân	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/04/2021	9621904253	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381923518
458	Nguyễn Tuyết Ngân	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/08/2020	9621916618	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Tuyết Ngân	0071000971183	Vietcombank- HCM	381668257
459	Châu Văn Chính	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/09/2019	9621924237	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381576577
460	Nguyễn Thị Ánh Dương	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/05/2020	9621939759	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381364236
461	Trần Văn Cảnh	Tạp Vụ	Xác định thời hạn	01/05/2021	9621986068	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381234123
462	Huỳnh Ngọc Huỳnh	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/04/2021	9622002313	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				382002353
463	Trần Hoài Hân	Divan	Xác định thời hạn	01/02/2020	9622013028	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381515423
464	Thái Nhật Đăng	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/02/2021	9622077860	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Thái Nhật Đăng	262704070000180	HD BANK ĐỒNG NAI	381958732
465	Võ Minh Chiêu	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/05/2021	9622198902	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381341190
466	Huỳnh Hiệp Dưỡng	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/11/2020	9622269055	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Huỳnh Hiệp Dưỡng	5904205248417	Agribank CN Vĩnh Cửu	381635576
467	Phạm Thùy Như	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/11/2020	9622273318	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				382008833
468	Lê Minh Công	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/01/2020	9622279704	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Le Minh Cong	004110000631800	OCB CN Ninh Kiều Cần Thơ	381857263
469	Lư Hồng Đào	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/06/2020	9622283237	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381697941
470	Đặng Phương Ngân	Xưởng T	Xác định thời hạn	01/03/2021	9622289371	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000				381466593

471	Hò Văn Ý	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	9622302213	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381929893
472	Lê Quang Hiến	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2021	9622312884	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381113926
473	Dương Thị Linh	Cushion	Xác định thời hạn	01/10/2020	9622317286	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381906029
474	Phan Hoàng Tri	Mousse	Xác định thời hạn	01/05/2021	9622319726	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381399683
475	Trần Tuấn Phương	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/02/2021	9622369404	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381880154
476	Nguyễn Hoàng Sang	Xường T	Xác định thời hạn	01/02/2021	9622378624	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381825050
477	Tạ Minh Nhựt	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2020	9622394767	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381758424
478	Huỳnh Gia Hân	Cushion	Xác định thời hạn	01/02/2021	9622404072	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					382001187
479	Nguyễn Thị Loan	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/04/2021	9622411738	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381425772
480	Tạ Mỹ Thu	Cushion	Xác định thời hạn	01/09/2019	9622413297	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					380834533
481	Lê Thị Diễm	Cushion	Xác định thời hạn	01/09/2019	9622416468	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381691013
482	Bạch Vũ Trường Giang	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/11/2019	9622430963	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381698744
483	Nguyễn Thị Mai	Xường T	Xác định thời hạn	01/01/2020	9622431166	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381425365
484	Lê Lý Thông	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/09/2019	9622446136	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381920199
485	Nguyễn Dương Thành	Mousse	Xác định thời hạn	01/05/2021	9622447514	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					382001283
486	Võ Thùy Dương	Xường T	Xác định thời hạn	01/09/2019	9622461351	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381207475
487	Lê Minh Thuận	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/06/2020	9622462795	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381920888
488	Dương Trọng Linh	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/01/2020	9622475520	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381966874
489	Võ Nhựt Hào	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2021	9622610709	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381919722
490	Huỳnh Như Tuyền	Cushion	Xác định thời hạn	01/03/2021	9622621116	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381782777
491	Phan Thị Bé	Xường T	Xác định thời hạn	01/02/2021	9622639814	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381473608
492	Hà Thị Phương	Nệm Nội Địa	Xác định thời hạn	01/02/2020	9622665685	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381356829
493	Trương Văn Vũ	Bảo Vệ	Xác định thời hạn	01/11/2020	9622746607	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381235711
494	Phạm Ái Trâm	Cushion	Xác định thời hạn	01/04/2021	9622779137	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381992572

495	Châu Long Rìl	Mousse	Xác định thời hạn	01/09/2019	9622779659	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381954461
496	Trần Văn Nhí	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/12/2019	9622779919	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381727864
497	Đinh Thị Nghiệm	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2021	9622805630	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381399258
498	Trần Hữu Nghi	Xường T	Xác định thời hạn	01/06/2021	9622806903	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	1014742494	Tran Huu Nghi	Vietcombank- CN Đồng Nai		381927332
499	Nguyễn Văn Châu	Xường T	Xác định thời hạn	01/12/2019	9622839601	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381331312
500	Nguyễn Ngọc Ý	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2021	9622858271	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381891902
501	Lê Chí Thực	Xường T	Xác định thời hạn	01/01/2021	9622893106	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381903578
502	Ngô Thị Trang	Cushion	Xác định thời hạn	01/03/2020	9622900317	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381890766
503	Trần Thanh Dũng	Cushion	Xác định thời hạn	01/03/2020	9622900320	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381425567
504	Lê Thị Út Hẹn	Xường M	Xác định thời hạn	01/05/2020	9622920546	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381621162
505	Tô Bích Tuyền	Qa/Qc	Xác định thời hạn	01/05/2020	9622920558	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	5913205122375	Tô Bích Tuyền	Agribank Đồng Nai		381782798
506	Châu Văn Đoàn	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/03/2020	96229222055	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381621163
507	Lê Văn Sơn	Tap Vủ	Xác định thời hạn	01/09/2019	9622926176	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381111568
508	Tô Thanh Tây	Xường T	Xác định thời hạn	01/03/2021	9622937597	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381801981
509	Sử Thị Giang	Cushion	Xác định thời hạn	01/07/2020	9622937598	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381727062
510	Tô Văn Khuân	Lò Xo	Xác định thời hạn	01/06/2020	9622937599	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381497289
511	Lê Thủy Duy	Cushion	Xác định thời hạn	01/06/2021	9622958496	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381987112
512	Phạm Thị Diệu Tâm	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	9622962692	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381905530
513	Lý Hùng Cường	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	9622962696	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381464864
514	Danh Văn Giao	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	9622962698	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381620109
515	Khương Bửu Nghĩa	Mousse	Xác định thời hạn	01/08/2020	9622962704	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381920920
516	Nguyễn Thanh Tôn	Mousse Ép	Xác định thời hạn	01/05/2020	9622973248	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					380882288
517	Mã Lộc Ninh	Mousse	Xác định thời hạn	01/11/2020	9623005864	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381948285
518	Ngô Thi Bé	Cushion	Xác định thời hạn	01/11/2020	9623005867	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000					381863636



519	Nguyễn Văn Ba	Lô Xo	Xác định thời hạn	01/12/2020	9623026460	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381441710
520	Huỳnh Ngọc Roi	Xường T	Xác định thời hạn	01/02/2021	9623043571	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381399048
521	Lê Thị Tiên	Xường M	Xác định thời hạn	01/03/2021	9623050484	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381305433
522	Đặng Thu Hằng	Xường T	Xác định thời hạn	01/10/2019	9623096485	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381515424
523	Nguyễn Thị Diệu	Mousse	Xác định thời hạn	01/05/2021	7511005701	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Diệu	004296261	VIB CN Tân Mai 272140194
524	Thái Khắc Hành	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/07/2021	7509016354	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			272884099
525	Trương Văn Bình	Mousse	Xác định thời hạn	01/07/2021	9621483149	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			381285383
526	Trần Minh Mẫn	Xường T	Xác định thời hạn	01/07/2021	8621730952	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			331855392
527	Hồ Thị Mai Loan	Xường T	Xác định thời hạn	01/07/2021	6623047222	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Hồ Thị Mai Loan	63210000355858	BIDV CN Đak Lak 241697238
528	Phan Thị Kim Phượng	Xường T	Xác định thời hạn	01/07/2021	4706010469	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Phan Thị Kim Phuong	0871004206501	Vietcombank- cn Đông Đồng Nai 271692266
529	Nguyễn Thị Minh Châu	Kế Hoạch	Xác định thời hạn	01/07/2021	7523798930	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000	Nguyễn Thị Minh Châu	0851000035263	Vietcombank Hà Thành 272550852
530	Nguyễn Quốc Cường	Bảo Trì	Xác định thời hạn	01/07/2021	4707085673	01/08/2021	01/08/2021	31/08/2021	3.710.000			215109167
Cộng: 530 người lao động									1.966.300.000			

II. Hỗ trợ người lao động đang nuôi con đẻ hoặc con nuôi hoặc chăm sóc thay thế trẻ em dưới 06 tuổi										
TT	Họ và tên	Họ và tên trẻ em chưa đủ 6 tuổi	Ngày tháng năm sinh của trẻ em	Họ và tên vợ hoặc chồng ở cột 2	Số CMT/thẻ căn cước công dân của vợ hoặc chồng	Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Võ Tuấn Kiệt	Võ Triết	22/12/2019	Lê Thị Kim Oanh	221412990	1.000.000	Võ Tuấn Kiệt	871004242298	Vietcombank- CN ĐÔNG ĐỒNG NAI	271814813
2	Quảng Quốc Nam	Quảng Bảo Quốc	08/07/2017	Trần Thị Hòa	382027066	1.000.000				381664732
3	Kiên Thị Sa Pha	Thạch Ngọc Thịnh	28/07/2019	Thạch Ngọc Tâm	334718537	1.000.000				334836677
4	Trương Quốc Hữu	Trương Hoàng Phúc	16/12/2016	La Thị Kim Oanh	038178012779	1.000.000				632221383
5	Thạch Thị Huệ	Võ Minh Đăng	28/08/2017	Võ Văn Đến	334787891	1.000.000	Thạch Thị Huệ	143704070004689	HID BANK CN Thanh Phú	334787891
6	Trần Thị Thị Kiều	Lý Gia Hân	15/06/2018	Lý Nhiêu	381293087	1.000.000				381714635
		Lý Trọng Hữu	14/10/2015			1.000.000				

7	Chau Sóc Nhane	Nhang Phan Nha	03/10/2020	Nhang Strong	351764109	1.000.000					351832024
	Huỳnh Văn Chơn	Huỳnh Thị Linh Nhi	24/10/2015	Nguyễn Thị Cẩm Loan	371292501	1.000.000					371264602
8	Võ Ngọc Hiền	Võ Ngọc Gia Anh	08/06/2019	Nguyễn Ngọc Bích	385655874	1.000.000	Võ Ngọc Hiền	5904205170144	Agribank CN Vĩnh Cửu		363623438
9	Nguyễn Văn Châu	Nguyễn Hải Đăng	01/07/2016	Lê Thị Diễm	381691013	1.000.000					381331312
10	Tạ Văn Trí	Tạ Nguyễn Thiên Phúc	27/04/2017	Nguyễn Thị Hồng Thùy	194400436	1.000.000					331435451
		Tạ Nguyễn An Nhiên	07/08/2018			1.000.000					
11	Trần Quốc Khanh	Trần Trung Tấn	23/11/2015	Nguyễn Thị Bích Hạnh	365997080	1.000.000	Trần Quốc Khanh	5900205568363	Agribank CN Đồng Nai		365820446
12	Bùi Văn Sỹ	Bùi Quang Huy	12/05/2020	Phạm Thị Tuyết	175072006	1.000.000					174792441
		Bùi Ngọc Hân	16/09/2017			1.000.000					
13	Trương Văn Chơn	Trương Thị Bảo Yến	08/11/2018	Nguyễn Thị Mận	341666595	1.000.000					371434930
14	Trần Thị Ngọc Diễm	Trần Thị Diễm Thư	17/11/2018			1.000.000					385802174
15	Thạch Thị Thu	Kim Trọng Nhân	18/05/2019	Kim Văn Dẫn	334538161	1.000.000					365959072
16	Lê Sỹ Hải	Lê Bảo Hân	31/07/2017	Lê Thị Hiền	272417924	1.000.000					272839977
17	Nguyễn Văn Tel	Nguyễn Chí Thiện	24/10/2015	Quảng Diễm Hương	371982921	1.000.000					371355476
		Nguyễn Chí Thịnh	19/10/2017		371982921	1.000.000					
18	Nguyễn Thành Tiến	Nguyễn Ngọc Tuệ Nhi	04/05/2020	Nguyễn Kim Xuyên	276106257	1.000.000					271906075
19	Hà Thị Hồng Vân	Nguyễn Đức Tài	05/01/2020	Nguyễn Trung Kiên	132245448	1.000.000	Hà Thị Hồng Vân	611704060822083	VIB CN Tân Mai		132159922
20	Lê Chí Huỳnh	Lê Chí Thức	02/08/2018	Phan Thị Thùy	382031248	1.000.000					381781373
		Lê Chí Khôi	30/09/2019			1.000.000					
21	Lê Văn Ngọc	Lê Phương Quỳnh	30/04/2019	Nguyễn Nhi Phương	272495592	1.000.000	Lê Văn Ngọc	70422920049025000	MB bank CN Điện Biên Phủ		173216480
22	Nguyễn Trung Thành	Nguyễn Việt Anh	22/04/2019	Nguyễn Ngọc Hân	381726407	1.000.000					363603832
23	Phạm Minh Vương	Phạm Gia Hưng	02/08/2020	Nguyễn Ngọc Ý	381891902	1.000.000					381639373
24	Bùi Thị Kiều Mi	Ngô Kim Phát	25/03/2017	Ngô Kim Long	272069635	1.000.000	Bùi Thị Kiều Mi	50030149413	Sacombank CN ĐỒNG NAI		272237029
		Ngô Kim Phụng	31/08/2019			1.000.000					



25	Trần Văn Mạnh	Trần Gia Bảo	16/10/2020	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	342060015	1.000.000				272325740
26	Vũ Thị Ngọc Linh	Nguyễn Bình An	30/08/2015	Nguyễn Bình Trọng	225268034	1.000.000	Vũ Thị Ngọc Linh	121000633517	Vietcombank-CN Đồng Nai	271518804
27	Hồ Minh Châu	Hồ Thị Yến Nhi	03/04/2021	Phan Thị Thanh Trà	241702312	1.000.000				312441244
28	Tô Phương Thảo	Danh Hải	25/02/2017	Danh Văn Giao	381620109	1.000.000				381691674
29	Nguyễn Văn Bé	Nguyễn Minh Khôi	28/04/2019	Nguyễn Thị Thoại Mỹ	381644035	1.000.000				381770825
		Nguyễn Đăng Khôi	28/04/2019			1.000.000				
30	Trần Văn Hoàng	Trần Khôi Lộc	15/05/2019	Nguyễn Thị Ngọc Hoài	261014122	1.000.000				172862496
31	Nguyễn Ngọc Như	Nguyễn Văn Anh	14/09/2016	Nguyễn Vũ Phong	381506852	1.000.000				381819995
32	Phan Hoàng Tri	Phan Hoàng Gia Bảo	19/05/2019	Son Thị Yến	381354957	1.000.000				381399683
33	Trần Đình Phi	Trần Gia Huy	19/01/2021	Phan Thị Thuý Vy	366300845	1.000.000	Trần Đình Phi	109869725461	Vietcombank CN Đồng Nai	272577544
34	Kim Văn Banl	Kim Thị Bích Tuyền	23/10/2018	Võ Thị Ánh Tuyết	335081072	1.000.000				334538097
35	Tạ Hồng Yên	Tạ Quốc Bình	20/07/2020	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	381770890	1.000.000				381403475
36	Nguyễn Thị Châu Sang	Vũ Phúc Tiến	23/11/2019	Vũ Như Kha	271630457	1.000.000				271752261
		Vũ Duy Tân	23/09/2015			1.000.000				
37	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	08/08/2019	Nguyễn Văn Thuần	001083007878	1.000.000	Nguyễn Thị Thu Hiền	121000854934	Vietcombank - CN ĐỒNG NAI	261154741
38	Phan Nữ Hoàng Liên	Trình Ngọc Linh	30/09/2019	Trình Đức Đoàn	272788318	1.000.000				
		Trình Ngọc Thảo	06/06/2016		272788318	1.000.000	Phan Nữ Hoàng Liên	481000728915	Vietcombank CN Biên Hòa	272940685
39	Từ Ngọc Pháp	Từ Thiên Vũ	15/05/2020	Đàng Thị Kim Ngân	264520910	1.000.000				264525793
40	Nguyễn Đình Hưng	Nguyễn Đình Minh Phúc	28/08/2015	Phùng Thị Huyền	142358421	1.000.000	Nguyễn Đình Hưng	102871639817	Vietcombank CN KCN Biên Hòa	125001835
41	Hàn Ngọc Văn	Hàn Nữ Hoàng Châu	12/11/2018	Đàng Thị Kim Ngọc	264551493	1.000.000				264515043
42	Thái Trần Hồng Phúc	Nguyễn Hồng Bảo Nhi	12/03/2016	Nguyễn Trung Hiếu	331593493	1.000.000				331662417
43	Thiếu Thị Kim Thu	Dương Thị Ngọc Hân	04/07/2020	Thiếu Thị Kim Thu	351726331	1.000.000				351673257
44	Nguyễn Mỹ Em	Tiêu Khả Vy	26/03/2020	Tiêu Trần Hiệp	351792031	1.000.000				381623909
45	Trần Đình Chiến	Trần Đình Nguyễn	01/06/2021	Trần Thanh Tiền	364183881	1.000.000				92095005025

46	Nguyễn Thị Nghi	Lê Quỳnh Như	07/05/2018	Lê Văn Mừng	381579178	1.000.000				381349658
47	Võ Thị Lê	Nguyễn Hải Đăng	06/01/2018	Nguyễn Quốc Trọng	381613567	1.000.000				381694106
48	Võ Toán	Võ Khánh Ngọc	04/02/2017	Nguyễn Thị Tuyết Nga	221107216	1.000.000				221135657
49	Phạm Thị Chúc Lê	Phạm Trần Thanh Trí	26/08/2017			1.000.000				341436125
50	Đặng Tấn Lực	Đặng Trọng Nhân	30/03/2020	Nguyễn Thị Hằng	241404016	1.000.000				272164454
51	Lê Tân An	Lê Minh Đức	27/02/2018	Nguyễn Thị Phú	186208280	1.000.000				271842345
52	Dương Văn Thừa	Dương Hồng Linh	01/10/2017	Nguyễn Thị Giàu	272469654	1.000.000				334239224
53	Trần Văn Khương	Trần Kiều Uyên	03/06/2017	Trần Thị Hương	044191000162	1.000.000				162716030
54	Phạm Công Thành	Phạm Đức Tài	30/11/2020	Nguyễn Thị Trúc Đào	301770758	1.000.000				215382116
55	Nguyễn Văn Sơn	Nguyễn Anh Huy	15/08/2018	Nguyễn Thị Mỹ Chi	272307218	1.000.000	121000774609	Nguyễn Văn Sơn	Vietcombank-CN Đồng Nai	272283705
56	Nguyễn Mạnh Luân	Nguyễn Ngọc Minh Anh	24/04/2018	Bùi Thị Kiều Oanh	271885959	1.000.000	104871773122	Nguyễn Mạnh Luân	VietinBank CN Biên Hòa	271989811
57	Nguyễn Huy Minh	Nguyễn Hoàng Kim	22/02/2016	Bùi Thị Thắm	024817604	1.000.000				150827222
58	Nguyễn Văn Tuấn	Nguyễn Huy Hưng	01/11/2015	Dương Thanh Nhân	186731759	1.000.000				186701926
59	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Quốc Dũng	28/06/2018	Nguyễn Thị Mỹ Lai	215436284	1.000.000				215109167
60	Thái Khắc Hạnh	Thái Khắc Bảo Minh	20/11/2019	Đông Thị Huệ	186746282	1.000.000				272884099
61	Phan Duy Ninh	Phan Duy Hồ Nam	21/02/2019	Hồ Thị Ngọc Hà	272843402	1.000.000				272915820
62	Nguyễn Văn Lai	Nguyễn Phúc	15/06/2017	Nguyễn Thị Huỳnh Châm	363682556	1.000.000	160922109	Nguyễn Văn Lai	Ngân hàng TMCP Á CHÂU	340943115
63	Nguyễn Minh Nhật	Nguyễn Minh Quân	06/12/2016	Bùi Mai Phương Uyên	272779599	1.000.000	121000816703	Nguyễn Minh Nhật	Vietcombank-CN Đồng Nai	272615168
64	Huỳnh Văn Triều	Huỳnh Đăng Văn Khôi	28/08/2017	Đặng Thanh Thoảng	381576911	1.000.000				215080360
65	Nguyễn Hoàng Sang	Huỳnh Đăng Gia Lộc	20/12/2018			1.000.000				
		Nguyễn Hoàng Nhã Vy	16/01/2020	Trần Thị Cẩm Tiên	342078035	1.000.000				381825050
		Nguyễn Trần Triệu Vy	21/11/2020			1.000.000				

66	Lưu Huỳnh	Lưu Khánh An	19/03/2016	Ngô Đình Hồng Phương	271422103	1.000.000	Lưu Huỳnh	601704060018765	VIB CN Sài Gòn	271427002
67	Phùng Thị Thanh Tuyền	Nguyễn Hồng Minh Nhiên	10/02/2020	Nguyễn Hồng Sơn	271905350	1.000.000	Phùng Thị Thanh Tuyền	481000795603	Vietcom Bank - CN BIÊN HOÀ	272120796
68	Phạm Như Bảo Ngọc	Phạm Cát Trần Anh	10/10/2017	Phạm Huy Đức	075089001256	1.000.000				272519266
69	Trần Văn Ân	Trần Thị Diễm Huỳnh	30/10/2019	Quảng Diễm Thủy	381691004	1.000.000				381452229
70	Nguyễn Thị Tuyết Sương	Nguyễn Đức Nguyễn Khôi	14/02/2017	Nguyễn Đức Hòa	261098813	1.000.000				271926694
71	Nguyễn Thị Ngọc Minh	Bùi Nguyễn Bảo Hân	27/03/2018	Bùi Văn Giang	271778791	1.000.000	Nguyễn Thị Ngọc Minh	104869114396	VietinBank CN Biên Hòa	271812952
72	Ngô Thị Tiên	Trần Hoàng Hải An	06/03/2020	Trần Văn Hoàng	272857098	1.000.000	Ngô Thị Tiên	121000772802	Vietcombank - CN ĐỒNG NAI	272469507
73	Nguyễn Văn Nam	Nguyễn Tú Anh	28/03/2019	Phạm Thị Hiền	151797694	1.000.000	Nguyễn Văn Nam	531000284306	VIETCOMBANK CN BÌNH THẠNH	271902432
		Nguyễn Minh Đạt	10/10/2016			1.000.000				
74	Dương Thị Phương Dung	Nguyễn Hà Thanh	22/05/2018	Nguyễn Hữu Chiến	272704789	1.000.000	Dương Thị Phương Dung	5913205121524	Agribank CN Tân Hiệp	271904442
		Nguyễn Hữu Tuấn Anh	12/12/2019			1.000.000				
75	Trần Vũ Thùy Linh	Phạm Khang An	08/03/2018	Phạm Hữu Thọ	271358264	1.000.000	Trần Vũ Thùy Linh	121001149532	Vietcombank-CN Đồng Nai	271535642
76	Trịnh Thị Hương	Đỗ Ngọc Đức Huy	26/03/2019	Đỗ Ngọc Vinh	271695383	1.000.000				272470278
77	Vũ Thủy Tú Anh	Nguyễn Thành Phát	25/10/2018	Nguyễn Thành Vân	272488877	1.000.000	Vũ Thủy Tú Anh	106871631645	VietinBank CN KCN Biên Hòa	271630458
78	Nguyễn Thu Hải	Lê Hải Anh	26/09/2017	Lê Quang Huy	271862870	1.000.000	Nguyễn Thu Hải	19036451317011	Techcombank CN Biên Hòa	77187001941
79	Trịnh Thị Hồng	Vũ Thủy Anh Thư	30/06/2017	Vũ Đình Đăng	272855842	1.000.000	Trịnh Thị Hồng	107005326408	VietinBank CN KCN Biên Hòa	272376364
80	Bùi Thị Ngọc Bích	Đỗ Quỳnh Bảo Ngọc	16/11/2017	Đỗ Xuân Tường	285182778	1.000.000	Bùi Thị Ngọc Bích	121002460822	Vietcombank-CN Đồng Nai	271908165
81	Lê Thị Phương	Hoàng An Nhiên	05/11/2018	Hoàng Văn Đạt	170304235	1.000.000	Lê Thị Phương	342399001	TP bank CN Đồng Nai	173566930
82	Tạ Thị Thùy Dung	Phạm Gia Lộc	08/04/2020	Phạm Văn Thành	215078427	1.000.000	Tạ Thị Thùy Dung	11714477	ACB- PGD Hồ nai	271839758
83	Trương Thị Thu Nguyệt	Lê Minh Hải	21/12/2016	Lê Sỹ Lộc	173584073	1.000.000	Trương Thị Thu Nguyệt	121000841657	Vietcombank-CN Đồng Nai	272341427
		Lê Mạnh Hải	21/12/2016			1.000.000				
84	Nguyễn Xuân Trường	Nguyễn Minh Trí	16/06/2021	Trần Thị Hoài Trâm	271912737	1.000.000	Nguyễn Xuân Trường	048 1000 640 365	Vietcombank - CN Biên Hoà	271632069
85	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Hoàng Bảo Ngọc	22/11/2017	Hoàng Minh Anh	271885112	1.000.000				024263899
		Hoàng Huyền Anh	14/02/2016			1.000.000				

86	Nguyễn Đình Thắng	Nguyễn Lan Anh	05/06/2020	Nguyễn Thúy Hào	225498157	1.000.000	Nguyễn Đình Thắng	121000695916	Vietcombank-CN Đồng Nai	276002966
		Nguyễn Đình Gia Hưng	19/10/2015			1.000.000				
87	Vũ Thị Mai	Nguyễn Vũ Khánh Linh	27/01/2016	Nguyễn Phúc Nhĩ Long	271977333	1.000.000	Vũ Thị Mai	7945678979	SHB PGD Đồng Khởi	272061088
		Nguyễn Vũ Khánh Ngân	18/11/2019	Nguyễn Phúc Nhĩ Long		1.000.000				
88	Võ Đức Dăm	Võ Ngọc Linh Đan	20/04/2021	Ma Thị Thảo	245351649	1.000.000	Võ Đức Dăm	41000205812	Vietcombank - Đà Nẵng	197243354
89	Phạm Thị Hằng Nga	Đinh Hạ Vy	06/01/2019	Đinh Huy Hoàng	365711391	1.000.000	Phạm Thị Hằng Nga	107005830355	VietinBank CN KCN Biên Hòa	183889895
90	Trần Thị Minh Yến	Trần Ngọc Khánh Như	23/01/2018	Trần Minh Nhật	352044609	1.000.000	Trần Thị Minh Yến	106869192027	VietinBank CN KCN Biên Hòa	272164702
91	Nguyễn Mỹ Lan	Ngô Nguyễn Lan Vy	26/09/2019	Ngô Thanh Khang	381525461	1.000.000				381680921
92	Đỗ Quang Huy	Đỗ Gia Ngọc Mẫn	27/09/2015	Nguyễn Thị Hoài	272749984	1.000.000	Đỗ Quang Huy	109866777807	Vietinbank CN Đồng Nai	271378059
		Đỗ Đăng Phúc Thịnh	29/10/2020			1.000.000				194214221
93	Nguyễn Tiến Thành	Nguyễn Kim Ngân	21-04-2019	Võ Thị Nguyễn	044186002088	1.000.000				241233650
94	Y Nững Niê	Y Ken Ni Mlô	02/12/2020	H Trim Mlô	241413471	1.000.000				272053423
95	Nguyễn Thị Thu Ba	Nguyễn Trí Đạt	09/05/2018	Nguyễn Cường Quốc Nhật	271922216	1.000.000				272140194
96	Nguyễn Thị Diệu	Trần Nguyễn Khôi Vũ	27/12/2020	Trần Trung Trực	271730885	1.000.000	Nguyễn Thị Diệu	4296261	VIB CN Tân Mai	
	Cộng: 117 trẻ em					117.000.000				
III. Hỗ trợ người lao động đang mang thai										
TT	Họ và tên					Số tiền hỗ trợ	Tên tài khoản của người lao động nhận hỗ trợ	Số tài khoản	Ngân hàng	Số CMND/thẻ căn cước công dân
1	Nguyễn Ngọc Như					1.000.000				331721534
2	Trần Kiều Tiên					1.000.000				381976411
3	Kim Thị Thu Dân					1.000.000				334991444
4	Phan Thị Bé					1.000.000				381473608
5	Đào Thanh Ngân					1.000.000				342078419
6	Thạch Thị Nhung					1.000.000				385819375

7	Phạm Như Bảo Ngọc	1.000.000				272519266
8	Nguyễn Thị Ngọc Minh	1.000.000				271812952
	Cộng: 08 người lao động	8.000.000				
	TỔNG CỘNG		2.091.300.000			

Tổng số tiền hỗ trợ: 2.091.300.000 đồng
(Hai tỷ, không trăm chín mươi mốt triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Sơn Hùng